

Bản án số: 159/2026/HS-ST

Ngày: 25/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Công Danh;

2/ Ông Trang Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 158/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Hoàng S. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 02/6/2007 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: B13/2, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: B, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Phật giáo.

Nghề nghiệp: Không - Trình độ học vấn: Lớp 01/12.

Họ tên cha: **Trần Xuân H** (đã chết).

Họ tên mẹ: **Hoàng Thị Thanh H1**, sinh năm 1985 (còn sống)

Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/8/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 4, Điều 251 và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh Đ trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Trần Hoàng S cùng Trần Thanh L, Nguyễn Tấn D, sinh năm 2004, ngụ tại K, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai), Huỳnh Thanh T, sinh năm 2005, ngụ tại khóm F, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường V, tỉnh Cà Mau), Nguyễn Quang P, sinh năm 2004, ngụ tại B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) đều là người sử dụng trái phép chất ma túy.

Vào khoảng 23 giờ ngày 13/12/2023 S, L, D, T, P, Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 2006, ngụ tại 3, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) và các đối tượng P1, H2 (Xin) và T1 (chưa rõ lai lịch) rủ nhau đi uống nước tại quán “Zen” thuộc khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14/12/2023 thì tất cả ra về.

Trên đường về nhà, L đi đến khu vực gần cầu “S” gặp người thanh niên tên H3 (không rõ lai lịch) mua 03 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy dạng khay với giá 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) mục đích để sử dụng. Sau đó, L đem về nhà tại địa chỉ nhà số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). L đổ toàn bộ số ma túy hàng khay vào tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, sau đó dùng bật lửa hơi nóng, cà nhuỷên số hàng khay này và L hít 1 đường khay. Lúc này có P1 đến nên L rủ P1 cùng sử dụng chung ma túy với L. P1 đồng ý và sau đó L gọi điện thoại rủ thêm T, S, H2 đến cùng sử dụng ma túy, tất cả đồng ý.

Khi qua nhà L, thì S đem theo 01 gói ma túy dạng khay do S mua vào ngày 04/12/2023 của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực cầu Đ, thuộc thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Khoảng 02 giờ ngày 14/12/2023 S, T, P, H2 (X), U (bạn gái của T), T1 (vợ của H2) có mặt ở nhà L thì L lấy 1 viên thuốc lắc chia thành 4 phần rồi đưa cho P1, P, S và L mỗi người sử dụng ¼ viên. Sau đó, S, L, T, P, P1, H2 lần lượt sử dụng 1 phần hàng khay do L đã cà nhuỷên trước đó. Trong lúc sử dụng thì cả nhóm chêm ma túy L mua kém chất lượng, nên S đã lấy gói ma túy (dạng khay) của S đem theo nêu trên ra để S, L, T, P, P1, H2 cùng sử dụng. Số ma túy khay và 02 viên thuốc lắc của L còn lại thì L vẫn để ở trên nền nhà gần chỗ nhóm của L đang

ngồi. Khi cả nhóm sử dụng hết số ma túy của S cung cấp thì T, S và H2 bàn bạc, thống nhất góp tiền mua “nước vui” về để cả nhóm sử dụng, cụ thể: T góp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), H2 góp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và S góp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). H2 liên hệ mua “nước vui” đem vào để S, L, P, P1, H2 cùng sử dụng. Riêng T sau khi góp tiền xong thì T chờ U đi công việc nên T không sử dụng “nước vui”. S, L, P, P1, H2 sử dụng nước vui đến khoảng 08 giờ ngày 14/12/2023 thì H2 ra về cùng T1, đến 18 giờ cùng ngày thì P1 ra về.

Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2023, trong lúc L, P, S đang ở nhà của L thì có D đến chơi, lúc này L rủ D sử dụng ma túy, D đồng ý và hít 01 hơi ma túy dạng khay của L.

Đến khoảng 11 giờ ngày 15/12/2023, trong lúc L, P, S, D, U, T đang ở trong nhà của L thì Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã kiểm tra phát hiện bắt giữ Trần Thanh L về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Riêng Trần Hoàng S sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã.

Ngày 24/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố B đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thanh L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Nai đã xét xử đối với L về 02 tội danh và điều khoản nêu trên (Bản án số 194/2025/HSST ngày 22/9/2025).

Ngày 23/7/2025, trong quá trình bỏ trốn Trần Hoàng S cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà không số, thuộc tổ G, khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Nai thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ (PC04) phối hợp Công an phường L, tỉnh Đồng Nai kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra Trần Hoàng S đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax, số imei: 356703854555132 của Trần Hoàng S liên quan đến hành vi phạm tội.
- 01 gói nilon chứa chất bột màu trắng thu giữ của Trần Hoàng S (ký hiệu M1).
- 02 gói nilon mỗi gói chứa 01 viên thuốc lắc thu của Trần Thanh L (ký hiệu M2).

Kết quả test nhanh ma túy: **Trần Hoàng S**, **Trần Thanh L**, **Huỳnh Thanh T**, **Nguyễn Tấn D** và **Nguyễn Quang P** dương tính với ma túy, **Nguyễn Thị Phương U** âm tính với ma túy.

* Tại kết luận giám định số 2779/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** kết luận:

- Mẫu chất màu trắng (ký hiệu là M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,0438 gam, loại Ketamine.

- Mẫu 02 viên nén được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,6894 gam loại MDMA.

*(Số vật chứng thu giữ trong vụ án đã được xử lý trong vụ án **Trần Thanh L** về tội danh và điều khoản nêu trên theo Bản án số 194/2025/HSST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai)*

2. Truy tố: Tại Cáo trạng số 262/CT-VKSKV1 ngày 03/02/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo **Trần Hoàng S** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 255 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên: xử phạt bị cáo **Trần Hoàng S** mức án từ 04 năm 02 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tuyên:

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iphone 14 Promax, số imei: 35670385455132 của **Trần Hoàng S** liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai, kính xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 01 giờ ngày 14/12/2023 đến 22 giờ ngày 14/12/2023, tại nhà số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, **Trần Thanh L** và **Trần Hoàng S** có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tổng hợp (thuốc lắc và hàng khay) cho **Nguyễn Tấn D**, **Huỳnh Thanh T**, **Nguyễn Quang P** và các đối tượng tên **P1**, **H2** (chưa rõ lai lịch) thì bị **Công an phường T**, **thành phố B** kiểm tra, phát hiện bắt quả tang **Trần Thanh L** là người rủ rê, cung cấp địa điểm và cung cấp ma túy để tổ chức sử dụng.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo **Trần Hoàng S** đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 262/CT-VKSKV1 ngày 03/2/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình vi phạm với lỗi cố ý nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

- **Về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội:** Bị cáo tại thời điểm phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, không thấy hết được tính nguy hiểm cho xã hội mà hành vi phạm tội

của mình gây ra nên khi xem xét quyết định hình phạt căn cứ vào quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên thì thời hạn tù đối với người chưa thành niên phạm tội không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Đồng thời xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iphone 14 Promax, số imei: 35670385455132 của **Trần Hoàng S** liên quan đến việc phạm tội là phù hợp.

Đối với hành vi góp tiền mua “nước vui” của **Trần Hoàng S**, **Huỳnh Thanh T** và **H2** (không rõ lai lịch) để cả nhóm sử dụng. Tuy nhiên, số “nước vui” đã sử dụng hết không thu giữ được mẫu để giám định nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với **S**, **T**, **H2** về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp.

Đối với **Huỳnh Thanh T**, **Nguyễn Quang P**, **Nguyễn Tấn D** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, **Công an thành phố B** và **Ủy ban nhân dân phường T** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với vợ chồng ông **Vũ Khắc B** và bà **Bùi Thị Minh T2** là chủ căn nhà **số H tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (nay là phường T, tỉnh **Đồng Nai**) cho **L** thuê nhà để ở. Việc **L** cùng bạn của **L** sử dụng ma túy tại căn nhà nêu trên ông **B** và bà **T2** không biết nên không xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng **H3** (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho **L** và đối tượng bán ma túy cho **S**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh D** tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Hoàng S** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng Khoản 2 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

- Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng S 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iphone 14 Promax, số imei: 35670385455132 của **Trần Hoàng S**.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/02/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy

